

**TAND HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2018/ HS-ST**

Ngày 27/11/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

**Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Xuân Kiệm.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường -  
Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:  
Bà Đặng Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục  
Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2018/  
HSST ngày 07/11/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức Th, sinh năm 1997, tại: LN – Bắc Giang.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: Thôn NG, xã HG, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Tự do.

Trình độ văn hoá: 12/12.

Đảng, đoàn thể: Không

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Con bà: Giáp Thị M, sinh năm 1970.

Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương ( Có mặt).

\* Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn An và Luật sư Võ Thị An Bình, thuộc văn phòng Luật sư Dân An – Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang ( Luật sư Võ Thị An Bình có mặt, Luật sư Trần Văn An vắng mặt).

\* Bị hại: Anh Nguyễn Tùng D, sinh năm 1999 ( Có mặt).

Trú quán: Kim T – TH – LN – Bắc Giang

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1986 ( Vắng mặt).

Trú quán: Hùng L – Hồng Th – VY – Bắc Giang

2/ Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1970 ( Có mặt).

Trú quán: NG – HG – LN - Bắc Giang.

\* Người làm chứng:

1/ Anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1977 ( Có mặt).

Trú quán: Kim T – TH – LN – Bắc Giang

2/ Chị Đồng Thị L, sinh năm 1976 ( Có mặt).

Trú quán: Kim T – TH – LN – Bắc Giang

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức Th, sinh năm 1997 trú quán: thôn NG, xã HG, huyện LN, tỉnh Bắc Giang và anh Nguyễn Tùng D, sinh năm 1999 trú quán: thôn Kim T, xã TH, huyện LN, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết với nhau, do trước đây cả hai học chung trường Trung học cơ sở HG. Ngày 20/8/2017 Nguyễn Đức Th có gọi điện thoại cho anh D hỏi mượn xe mô tô của anh D để đi có việc. Anh D nhất trí và hẹn Th vào ngã tư thôn Kim T, xã TH, huyện LN lấy xe. Khoảng 08 giờ cùng ngày anh D điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH150i, biển kiểm soát 98B2 – 970.00 của mình ra ngã tư thôn Kim T, xã TH, huyện LN để cho Th mượn. Trước khi cho Th mượn xe mô tô, để yên tâm anh D đã làm “Hợp đồng thuê xe tự lái”,

thời hạn thuê xe từ ngày 20/8/2017 đến ngày 20/12/2017 rồi đưa cho Th ký. Th ký chữ “Th – Nguyễn Đức Th” dưới mục “Đại diện bên B” trong hợp đồng. Sau khi Th ký hợp đồng thuê xe xong thì anh D giao xe mô tô cho Th và bảo Th giấy tờ xe ở trong cốp xe. Sau khi mượn được xe mô tô của anh D, Th sử dụng đi lại một thời gian, đến ngày 01/01/2018 Th đã mang chiếc xe mô tô mượn được của anh D nêu trên đến hiệu cầm đồ 79 ở ngã tư Đ, huyện VY, tỉnh Bắc Giang để cầm cố. Khi đến hiệu cầm đồ, Th gặp anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 là nhân viên của hiệu cầm đồ, Th đặt vấn đề cầm cố chiếc xe mô tô mượn được của anh D cho anh T đồng thời Th đưa cho anh T xem 01 chứng M nhân dân mang tên Nguyễn Đức Th; 01 đăng ký xe mô tô biển số 98B2 – 970.00 mang tên Nguyễn Tùng D. Anh T sau khi kiểm tra giấy tờ đã đồng ý cầm cố chiếc xe mô tô trên cho Th với giá 90.000.000 đồng. Khi cầm cố anh T có viết “Hợp đồng cầm đồ” và đưa cho Th ký. Th đã ký chữ “Th – Nguyễn Đức Th” dưới mục “Người nhận tiền”. Sau đó anh T giao tiền cho Th còn Th để lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH150i, biển kiểm soát 98B2 – 970.00; giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B2 – 970.00 và giấy chứng M nhân dân của Th lại cho anh T.

Đối với anh Nguyễn Tùng D sau khi cho Th mượn xe mô tô đến hạn ghi trong hợp đồng không thấy Th mang xe đến trả, anh D gọi điện thoại cho Th để đòi xe nhưng Th hẹn nhiều lần vẫn không thấy mang trả. Sau đó anh D được Th nói cho biết là Th đã cầm cố chiếc xe mô tô mượn của anh ở hiệu cầm đồ 79 thuộc khu Đ, huyện VY, tỉnh Bắc Giang, đồng thời Th hứa sẽ chuộc xe về trả cho anh D nhưng sau đó không thấy Th chuộc xe về trả. Ngày 01/3/2018 anh D đã có đơn trình báo Công an huyện Lục Ngạn. Ngày 08/4/2018 anh D đã tìm đến hiệu cầm đồ 79 và chuộc chiếc xe mô tô trên từ anh T với giá 90 triệu đồng, sau khi nhận đủ tiền, anh T giao xe cho anh D cùng với giấy đăng ký xe và chứng M nhân dân của Th.

Ngày 01/3/2018 anh Nguyễn Tùng D giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – công an huyện Lục Ngạn 01 tờ giấy “Hợp đồng thuê xe tự lái” đề ngày 20/8/2017 bên dưới có chữ ký của Nguyễn Tùng D ở phần “Đại diện bên A” và chữ ký của Nguyễn Văn Th ở phần “Đại diện bên B”.

Ngày 02/3/2018 Nguyễn Đức Th giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 240153002865 mang tên Nguyễn Đức Th.

Ngày 06/4/2018 anh Nguyễn Tùng D giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 10/4/2018 anh Nguyễn Tùng D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy hợp đồng cầm đồ, cửa hàng cầm đồ 79, có chữ ký của anh Nguyễn Văn T dưới mục “Đại diện cửa hàng” và chữ ký của Nguyễn Đức Th dưới mục “Người nhận tiền”; 01 giấy chứng M nhân dân số 122203087 mang tên Nguyễn Đức Th; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B2 – 970.00 mang tên Nguyễn Tùng D.

Ngày 24/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH150i, biển kiểm soát 98B2 – 970.00 của anh Nguyễn Tùng D. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 90/KL –HD ngày 24/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Ngạn kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH150i, biển kiểm soát 98B2 – 970.00 tại thời điểm bị thiệt hại có giá trị 79.000.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu đồng chẵn*).

Ngày 18/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra quyết định trưng cầu giám định tại Phòng Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, nội dung: Giám định chữ ký và chữ viết của Nguyễn Đức Th trong “Hợp đồng cầm đồ” (ký hiệu A1) và trong “Hợp đồng thuê xe tự lái” (ký hiệu A2) với hai biên bản ghi lời khai Nguyễn Đức Th do Cơ quan điều tra tiến hành ghi (ký hiệu M1, M2) có phải do cùng một người ký và viết ra không?. Tại bản Kết luận giám định số 673/KL – PC54 ngày 31/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký (dạng chữ viết) mang tên Nguyễn Đức Th dưới mục “Người nhận tiền” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); tại mục “Đại diện bên B” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký và chữ viết của Nguyễn Đức Th trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1,M2) là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 08/6/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen do anh Nguyễn Tùng D giao nộp. Tiến hành mở Facebook của anh Nguyễn Tùng D có thấy facebook Th Nguyễn, Nguyễn Th có ảnh đại diện của Nguyễn Đức Th. Trong phần Messenger có tin nhắn liên quan đến việc trả tiền, chuộc xe giữa Th và D.

Ngày 20/6/2018 Cơ quan điều tra tiến hành cho anh Nguyễn Văn T là nhân viên hiệu cầm đồ 79 nhận dạng người đã mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH150i, biển kiểm soát 98B2 – 970.00 đến cầm cố. Anh T đã nhận ra chính xác Nguyễn Đức Th là người mang chiếc xe mô tô trên đến cầm cố cho anh.

Quá trình điều tra Nguyễn Đức Th không thừa nhận được mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH150i, biển kiểm soát 98B2 – 970.00 của anh Nguyễn Tùng D mang đi cầm cố. Th khai năm 2017 Th chỉ được vay nợ của anh Nguyễn Tùng D với số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/triệu/ngày, Th đã trả anh D được 20.000.000 đồng. Ngày 07/8/2018 Th và gia đình mang trả cho anh D 90.000.000 đồng là toàn bộ số tiền gốc và lãi của 30.000.000 đồng Th đã mượn của anh D nêu trên. Anh D xác định năm 2017 có được cho Th vay 30.000.000 đồng, không tính lãi. Hiện Th mới trả cho anh được 20.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 10.000.000 đồng. Số tiền 90.000.000 đồng Th và gia đình trả cho anh là tiền anh đã bỏ ra chuộc chiếc xe Th mượn của anh mang đi cầm cố. Ngoài lời khai của Th không còn tài liệu khác chứng minh anh D cho vay tiền với lãi suất cao do đó không có căn cứ để xử lý đối với anh D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đức Th đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận việc mượn xe của anh Nguyễn Tùng D sau đó đi cầm xe tại hiệu cầm đồ số 79 tại Ngã tư Đ – huyện VY – Bắc Giang, bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin lại giấy tờ cá nhân bị cơ quan điều tra đã thu giữ để bị cáo sử dụng.

Lời khai của anh Nguyễn Tùng D tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lục Ngạn, anh xác định có cho bị cáo Th mượn chiếc xe SH 98B2 – 970.00, sau đó bị cáo Th đã mang đi cầm xe tại hiệu cầm đồ số 79 tại Đ – VY – Bắc Giang, hiện anh đã chuộc lại xe trên, bị cáo Th đã khắc phục hậu quả trả lại toàn bộ số tiền mà anh đã chuộc lại xe, anh không có yêu cầu, đề nghị gì. Về trách nhiệm hình sự, anh Nguyễn Tùng D đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Tại phiên toà ông Nguyễn Văn T trình bày phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, ông xác định bị cáo Th đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho anh Nguyễn Tùng D số tiền 90.000.000 đồng, việc ông bồi thường là tự nguyện theo sự tác động của bị cáo, ông không có yêu cầu, đề nghị gì, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của anh Nguyễn Hữu Th và chị Đồng Thị L phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lục Ngạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã được công bố tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số 92/KSĐT ngày 05 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Th về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN giữ quyền công tố nhà nước tại phiên toà đã luận tội bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Th phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Đức Th từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã HG, huyện LN, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức Th 01 Giấy chứng M nhân dân số 122203087 mang tên Nguyễn Đức Th; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số 240153002865 mang tên Nguyễn Đức Th.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Đức Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có tranh luận gì với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận lại với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát: Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội anh, điều luật áp dụng mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, tuy nhiên mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là nghiêm khắc, bởi vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, T khẩn khai báo, bị cáo tuổi đời còn trẻ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cụ thể đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 20 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 40 đến 48 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp lại với người bào chữa cho bị cáo: Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ của sự việc, căn cứ vào số lượng tài sản chiếm đoạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được xem xét hết cho bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên lời luận tội.

Không ai tranh luận gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tang vật chứng thu hồi được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: “Khoảng 08 giờ ngày 20/8/2017 tại ngã tư thôn Kim T, xã TH, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Đức Th đã mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH150i, biển kiểm soát 98B2 – 970.00, trị giá

79.000.000 đồng của anh Nguyễn Tùng D để sử dụng làm phương tiện đi lại. Sau đó do cần tiền tiêu nên Th đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh D đem đi cầm cố nên ngày 01/01/2018 Th đã mang chiếc xe mô tô mượn được của anh D đi cầm cố lấy 90.000.000 đồng tiêu sài cá nhân.”.

[2] Hành vi nêu trên của Nguyễn Đức Th đã đủ yếu tố cấu T tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự. Lờn luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của bị cáo, của những người tham gia tố tụng khác và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và lờn luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Sau khi xảy ra hành vi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả số tiền 90.000.000 đồng cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được xem xét theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuổi đời còn trẻ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư

trú giám sát giáo dục cũng có đủ điều kiện cải tạo để bị cáo trở T công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo như lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, mà cần áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về vật chứng: Ngày 03/7/2018 và ngày 25/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Tùng D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Plus 7 màu đen; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B2 – 970.00 mang tên Nguyễn Tùng D, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với 01 Giấy chứng M nhân dân và 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Đức Th là giấy tờ cá nhân của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 07/8/2018 Th và gia đình đã mang số tiền 90.000.000 đồng do anh D đã bỏ ra chuộc xe trả lại cho anh D. Anh D không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Th phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Đức Th 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã HG, huyện LN, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Đức Th thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức Th 01 Giấy chứng M haan dân số 122203087 mang tên Nguyễn Đức Th; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số 240153002865 mang tên Nguyễn Đức Th.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Đức Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện LN;
- Công an huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Bị cáo;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Phan văn Thể**